

Chương II: CÔNG NGHỆ GIỐNG VẬT NUÔI
BÀI 04: CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI
(Thời lượng 2 tiết)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nêu được khái niệm cơ bản và các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi.
- Nêu được một số phương pháp chọn giống vật nuôi.
- Lựa chọn được phương pháp chọn giống phù hợp với mục đích chăn nuôi.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để tìm hiểu thêm về phương pháp chọn giống vật nuôi.

2.2. Năng lực công nghệ:

- Nêu được khái niệm cơ bản và các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi.
- Nêu được một số phương pháp chọn giống vật nuôi.
- Lựa chọn được phương pháp chọn giống phù hợp với mục đích chăn nuôi.

3. Phẩm chất:

- Tích cực, chủ động trong tìm hiểu về giống vật nuôi và phương pháp chọn giống vật nuôi.
- Nhận thức được phương pháp chọn giống phù hợp với mục đích chăn nuôi để có thể đề xuất với gia đình, người thân trong việc lựa chọn giống vật nuôi nhằm mang lại hiệu quả kinh tế.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Tranh ảnh, video liên quan đến chọn giống vật nuôi, các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi và một số phương pháp chọn giống vật nuôi ở địa phương và các trung tâm nhân giống.

Học sinh:

- Đọc trước bài học trong SGK; tìm kiếm và đọc trước, lưu video, hình ảnh liên quan đến chọn giống vật nuôi, các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi và một số phương pháp chọn giống vật nuôi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động mở đầu:

a) Mục tiêu:

- Thông qua các hình ảnh, video, tình huống thực tế liên quan đến chọn giống vật nuôi, các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi, kích thích HS mong muốn tìm hiểu về các nội dung.

b) Nội dung:

- GV cho HS quan sát hình ảnh, xem video, tình huống thực tế liên quan đến chọn giống vật nuôi. GV yêu cầu HS nêu những hiểu biết của bản thân về các tiêu chí lựa chọn giống vật nuôi ở gia đình và kinh nghiệm chăn nuôi ở địa phương mà HS đã biết.

– GV đưa ra các câu hỏi hoặc có thể sử dụng câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK về khái niệm chọn giống vật nuôi, chỉ tiêu chọn giống vật nuôi và phương pháp chọn giống vật nuôi.

- GV có thể yêu cầu HS vận dụng hiểu biết, lấy ví dụ về ca dao, tục ngữ nói về kinh nghiệm trong chọn giống vật nuôi để kích thích HS mong muốn tìm hiểu nội dung bài học.

c) Sản phẩm học tập: HS đưa ra được câu trả lời theo ý kiến cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video về “chọn bò cái giống – chọn bò giống sinh sản” cho HS theo dõi:

<https://www.youtube.com/watch?v=AWeRHDNufO0>

- Sau khi xem xong video, GV đặt câu hỏi:

+ Em hãy cho biết, chọn giống vật nuôi là gì?

+ Theo em, khi chọn giống vật nuôi, người ta căn cứ vào những chỉ tiêu nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS theo dõi video, tiếp nhận câu hỏi và đưa ra ý kiến chủ quan của bản thân.

Bước 3, 4: Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV tiếp nhận câu trả lời của HS, chưa vội phân định đúng sai. GV cho HS xác nhận lại ở cuối bài.

- GV dẫn dắt HS vào nội dung bài mới. *Bài 4: Chọn giống vật nuôi.*

Hoạt động hình thành kiến thức mới :

Hoạt động 2.1: Khái niệm chọn giống vật nuôi.

a) Mục tiêu:

-Hoạt động này giúp HS nhận biết được khái niệm chọn giống vật nuôi.

b) Nội dung:

- GV giới thiệu câu ca dao, tục ngữ về kinh nghiệm chọn giống vật nuôi của ông cha như:

Gà nâu, chân thấp, mình to
Đẻ nhiều trứng lớn, con vừa khéo nuôi
Chẳng nên nuôi giống pha mùi
Trứng không đẻ mấy, con nuôi vụng về

– Từ đó, GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục I rồi đặt các câu hỏi/yêu cầu có liên quan đến nội dung nghiên cứu:

+ Nêu khái niệm chọn giống vật nuôi.

+ Mục đích của chọn giống vật nuôi là gì?

– GV có thể tổ chức cho HS thảo luận để trả lời câu hỏi trong hộp Khám phá của SGK để giúp HS khắc sâu, gắn lí thuyết vào thực tiễn cuộc sống.

c) Sản phẩm:

-HS ghi được vào vở khái niệm chọn giống vật nuôi, mục đích của chọn giống vật nuôi..

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 2.1.1: Khái niệm chọn giống vật nuôi	

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục I trong SGK, hãy nêu khái niệm chọn giống vật nuôi. - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi để phân tích khái niệm và nêu ví dụ để chọn 1 giống vật nuôi. - GV yêu cầu HS: + Nêu khái niệm giống vật nuôi + Hãy nêu ví dụ về cách chọn được một giống vật nuôi tốt . + Sử dụng internet, sách, báo,... để tìm hiểu về cách chọn giống vật nuôi. *Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin SGK, quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. *Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS: + Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt, phù hợp với mục đích của chăn nuôi và mong muốn của người chọn giống, đồng thời thải loại các cá thể không đạt yêu cầu. + Ví dụ: Bò Lai Sind là Là giống bò lai tạo từ con đực Red Sindhi thuần với bò cái vàng Việt Nam. Đây là loại bò có tỷ lệ dòng máu của bò Lai Sind do đó mang nhiều ưu điểm hơn so với các giống bò thông thường. Ưu điểm cụ thể là: mắn đẻ, nuôi con tốt, thích nghi được với điều kiện khí hậu nóng ẩm, ít bệnh, dễ nuôi, tính phàm ăn, kháng bệnh tốt và chịu được kham khổ. Nhờ những ưu điểm này mà bò Lai Sind hiện đang được nuôi rất phổ biến tại Việt Nam. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	I - KHÁI NIỆM CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI -Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt, phù hợp với mục đích của chăn nuôi và mong muốn của người chọn giống, đồng thời thải loại các cá thể không đạt yêu cầu. -Mục đích của chọn giống là duy trì và nâng cao những đặc điểm tốt của giống vật nuôi qua mỗi thế hệ. Ví dụ: Bò Lai Sind là Là giống bò lai tạo từ con đực Red Sindhi thuần với bò cái vàng Việt Nam. Đây là loại bò có tỷ lệ dòng máu của bò Lai Sind do đó mang nhiều ưu điểm hơn so với các giống bò thông thường. Ưu điểm cụ thể là: mắn đẻ, nuôi con tốt, thích nghi được với điều kiện khí hậu nóng ẩm, ít bệnh, dễ nuôi, tính phàm ăn, kháng bệnh tốt và chịu được kham khổ. Nhờ những ưu điểm này mà bò Lai Sind hiện đang được nuôi rất phổ biến tại Việt Nam.
---	---

Hoạt động 2.2: Các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi.

a) Mục tiêu:

- Hoạt động này giúp HS nhận biết được các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi như chỉ tiêu ngoại hình; chỉ tiêu thể chất; chỉ tiêu về sinh trưởng, phát dục; chỉ tiêu khả năng sản xuất của vật nuôi.

b) Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục II.1; quan sát Hình 4.1 trong SGK hoặc các video nói về các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống rồi đặt các câu hỏi có liên quan đến nội dung nghiên cứu hoặc hình ảnh quan sát:

+ Nêu khái niệm về các chỉ tiêu ngoại hình.

+ Việc lựa chọn giống dựa trên chỉ tiêu đó đem lại ý nghĩa gì trong chăn nuôi?

- GV có thể tiến hành các hoạt động tương tự đối với mục II.2, II.3 và II.4. Hoặc GV cung cấp cho HS các nhiệm vụ học tập và hướng dẫn HS quy trình hoạt động nhóm.

c) Sản phẩm:

- HS ghi được vào vở khái niệm và ý nghĩa của các chỉ tiêu ngoại hình; chỉ tiêu thể chất; chỉ tiêu về sinh trưởng, phát dục; chỉ tiêu khả năng sản xuất của vật nuôi.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 2.2.1: Các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi	
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận (5 phút) + <i>Nhóm 1: Tìm hiểu chỉ tiêu chí ngoại hình.</i> Theo em, ngoại hình là gì? Quan sát Hình 4.1 và chỉ ra những đặc điểm đặc trưng về ngoại hình khi chọn giống bò hướng thịt và bò hướng sữa? + <i>Nhóm 2: Tìm hiểu chỉ tiêu chí thể chất.</i> Thể chất là gì? Thể chất phụ thuộc vào những yếu tố nào? + <i>Nhóm 3: Tìm hiểu chỉ tiêu chí về sinh trưởng, phát dục.</i> Thế nào là sinh trưởng, phát dục của vật nuôi. Cho ví dụ? + <i>Nhóm 4: Tìm hiểu chỉ tiêu chí khả năng sản xuất.</i> Khả năng sản xuất là gì. Cho ví dụ? Em hãy cho biết khả năng sản xuất sữa, trứng, thịt của một số loại vật nuôi? Liên hệ thực tế và cho biết, chăn nuôi ở hộ gia đình và địa phương thường chú trọng, quan tâm tới chỉ tiêu cơ bản nào? *Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK, thảo luận nhóm, suy nghĩ trả lời câu hỏi. *Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm HS trả lời. - các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV đánh giá, nhận xét, tổng kết và chuyển sang nội dung luyện tập.	II - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN ĐỂ CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI 1. Ngoại hình: là hình dáng bên ngoài của vật nuôi có liên quan đến sức khỏe cũng như cấu tạo chức năng của các bộ phận bên trong cơ thể và khả năng sản xuất của con vật là hình dáng đặc trưng của vật nuôi. Những đặc điểm đặc trưng về ngoại hình khi chọn giống bò hướng thịt và bò hướng sữa: <i>Bò hướng thịt:</i> Toàn thân giống hình chữ nhật, bề ngang, bề sâu phát triển, đầu ngắn, rộng, đầy đặn vùng vai tiếp giáp với lưng bằng phẳng, mông rộng chắc, đuôi nở nang, chân ngắn, da mềm mỏng.... <i>Bò hướng sữa:</i> Thân hình phần sau phát triển hơn phần trước, bầu vú to hình bát úp, núm vú tròn cách đều nhau, tĩnh mạch vú nổi rõ, phần thân trước hơi hẹp,

đầu thanh, cổ dài, lưng thẳng rộng, đuôi sâu, da mỏng mỡ dưới da ít phát triển.

Một số chỉ tiêu ngoại hình thường dùng trong chọn giống là: hình dáng toàn thân, màu sắc da, lông, tai, mõm, bụng, số núm vú, sừng, chân (đối với gia súc); mào, tích, chân, màu sắc lông (đối với gia cầm). Căn cứ vào ngoại hình, người ta thường chọn những cá thể cân đối, mang các đặc điểm đặc trưng của giống, không bị khuyết tật, lông và da bóng mượt, mắt tinh nhanh để làm giống.

Thể chất: là đặc tính thích nghi của con vật trong những điều kiện sinh sống và di truyền nhất định, có liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật.

Thể chất của vật nuôi được hình thành bởi tính di truyền và điều kiện phát triển cá thể của vật nuôi. Một số biểu hiện của thể chất như tốc độ sinh trưởng, kích thước của vật nuôi, sức khỏe của vật nuôi, khả năng hoạt động của vật nuôi.... Căn cứ vào thể chất, người ta thường chọn những cá thể có đặc điểm như lớn nhanh, kích thước lớn trong đàn, khỏe

mạnh, hoạt động nhanh nhẹn để làm giống.

3.Sinh trưởng, phát dục

Sinh trưởng là sự tích lũy chất hữu cơ do quá trình trao đổi chất, làm cho cơ thể tăng lên về khối lượng, thể tích và kích thước của từng cơ quan, bộ phận và toàn bộ cơ thể.

Ví dụ: Khối lượng gà Tre lúc mới nở khoảng 20 g, 4 tuần tuổi là 77 g, 8 tuần tuổi đạt 118 g. 16 tuần tuổi đạt 186 g.

Phát dục là quá trình biến đổi về chất của cơ thể. Sự biến đổi này bao gồm sự hình thành và hoàn thiện chức năng của từng cơ quan, bộ phận mới của cơ thể ngay từ giai đoạn đầu tiên của bào thai cũng như trong suốt quá trình phát triển của cơ thể con vật.

Ví dụ: Gà trống biết gáy; gà mái bắt đầu đẻ trứng.

Sinh trưởng và phát dục là hai quá trình khác nhau nhưng thống nhất với nhau, tạo nên sự phát triển chung của cơ thể. Hai quá trình này diễn ra đồng thời, đan xen, bổ sung, hỗ trợ cho nhau làm cho cơ thể vật nuôi phát triển ngày một hoàn chỉnh. Sinh trưởng, phát dục là căn cứ quan trọng để đánh giá chọn lọc. Con vật được chọn lọc phải có khả năng sinh trưởng, phát dục tốt, nghĩa là phải lớn nhanh,

	tiêu tốn thức ăn thấp, cơ thể phát triển hoàn thiện, sự thành thực tinh dục biểu hiện rõ, phù hợp với độ tuổi từng giống. 4. Khả năng sản xuất Khả năng sản xuất là khả năng tạo ra sản phẩm của vật nuôi như năng xuất sinh sản, cho thịt, trứng, sữa, sức kéo (Bảng 4.1). Khả năng sản xuất của vật nuôi phụ thuộc vào từng giống, chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng và đặc điểm cá thể.
--	--

Hoạt động 2.3: Một số phương pháp chọn giống vật nuôi.

a) Mục tiêu:

- Hoạt động này giúp HS nhận biết được khái niệm, các bước tiến hành, ưu và nhược điểm của một số phương pháp chọn giống như: chọn lọc hàng loạt, chọn lọc cá thể.

b) Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục III.1; quan sát Hình 4.2 và trả lời câu hỏi trong hộp Khám phá:

c) Sản phẩm:

- HS ghi được vào vở các nội dung sau:
- Khái niệm, các bước tiến hành chọn lọc.
- Ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương pháp chọn lọc.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 2.3.1: Một số phương pháp chọn giống vật nuôi	
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi, thảo luận và thực hiện các nhiệm vụ sau: + Nêu khái niệm chọn lọc hàng loạt. + Trình bày các bước tiến hành chọn lọc hàng loạt. So sánh quá trình sinh trưởng với quá trình phát dục ở vật nuôi. - GV yêu cầu HS lấy một số ví dụ thực tiễn địa phương đã sử dụng phương pháp chọn địa phương đã lọc hàng loạt đối với một số vật nuôi phổ biến. - GV có thể tiến hành các hoạt động tương tự đối với mục III.2:	III - MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI 1. Chọn lọc hàng loạt a) Khái niệm Chọn lọc hàng loạt là dựa vào ngoại hình, các chỉ tiêu về khả năng sản xuất của đàn vật nuôi để chọn ra những cá thể tốt nhất phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống. Phương

+ Nêu khái niệm chọn lọc cá thể.
 + Trình bày các bước tiến hành chọn lọc cá thể.
 So sánh ưu và nhược điểm của hai phương pháp chọn lọc hàng loạt và cá thể?
 - GV yêu cầu HS lấy một số ví dụ thực tiễn địa phương đã sử dụng phương pháp chọn địa phương đã lọc cá thể đối với một số vật nuôi phổ biến.
***Thực hiện nhiệm vụ học tập**
 - HS đọc SGK trả lời câu hỏi.
 - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.
***Báo cáo kết quả và thảo luận**
 - GV mời đại diện HS trả lời.
 - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**
 GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang luyện tập.

pháp này thường áp dụng khi cần chọn lọc nhiều cá thể vật nuôi để làm giống trong một thời gian ngắn.

b) Các bước tiến hành
Bước 1. Xác định chỉ tiêu chọn lọc" Xác định các chỉ tiêu chọn lọc phù hợp như kiểu hình, khả năng sản xuất (khối lượng cơ thể, năng suất trứng, sữa,...) đối với con vật giống.
Bước 2. Chọn những cá thể đạt tiêu chuẩn (thế hệ 1) Trong quần thể vật nuôi ban đầu (thế hệ xuất phát), dựa vào đặc điểm kiểu hình, kết quả ghi chép về khả năng sản xuất của từng vật nuôi, chọn những cá thể đạt tiêu chuẩn về chỉ tiêu chọn lọc đã được đặt ra để giữ lại làm giống (thế hệ 1), cá thể không đạt tiêu chuẩn sẽ bị loại bỏ.
Bước 3. Đánh giá hiệu quả chọn lọc So sánh các chỉ tiêu chọn lọc của thế hệ 1 với thế hệ xuất phát để đánh giá hiệu quả chọn lọc. Nếu chưa đạt được kết quả mong đợi có thể tiếp tục tiến hành chọn lọc ở thế hệ tiếp theo.
c) Ưu điểm và nhược điểm
Ưu điểm: dễ tiến hành, không đòi hỏi kĩ thuật cao, không tốn kém. 5
Nhược điểm: Do chủ yếu căn cứ vào kiểu hình, chưa biết được kiểu gene nên

hiệu quả chọn lọc thường không cao và không ổn định.

So sánh quá trình sinh trưởng với quá trình phát dục ở vật nuôi.

- Giống nhau:
- + Cả hai quá trình tạo nên sự phát triển chung của cơ thể.
- + Là căn cứ quan trọng để đánh giá chọn lọc vật nuôi.

2. Chọn lọc cá thể

a) Khái niệm: Chọn lọc cá thể là chọn ra một hay vài cá thể biểu hiện các đặc điểm phù hợp với mục tiêu đặt ra của giống (thường là đực giống).

b) Các bước tiến hành
Chọn lọc cá thể được tiến hành tại các trung tâm giống. Quá trình chọn lọc gồm các bước sau (Hình 4.3):

Bước 1. Chọn lọc tổ tiên
Căn cứ vào phả hệ, lí lịch của con vật để xem xét các đời tổ tiên của nó có những tính trạng nào trội, các tính trạng nào tốt và từ đó lựa chọn những cá thể tốt về nhiều mặt.

Bước 2. Chọn lọc bản thân (kiểm tra năng suất bản thân)
Nuôi những vật nuôi trong cùng điều kiện tiêu chuẩn. Những cá thể có kết quả kiểm tra năng suất tốt sẽ được giữ lại làm giống. Kiểm tra năng suất dựa vào.

	– Ngoại hình, thể chất phải phù hợp với hướng sản xuất và mang đầy đủ các nét đặc trưng của giống. – Khả năng sinh trưởng, phát dục: Con vật được chọn cần có tốc độ sinh trưởng nhanh, đạt các tiêu chuẩn của giống từ mức khá trở lên. – Khả năng sản xuất. Tùy thuộc vào hướng sản xuất mà sử dụng các chỉ tiêu thích hợp để đánh giá. Con vật được chọn cần có các chỉ tiêu về khả năng sản xuất càng cao càng tốt Bước 3. Chọn lọc theo đời sau (kiểm tra đời sau) Nhằm xác định khả năng di truyền các tính trạng tốt của bản thân con vật cho đời sau. Các tiêu chuẩn đánh giá đời sau cũng được thực hiện như ở bước 2. c) Ưu điểm và nhược điểm <i>Ưu điểm:</i> hiệu quả chọn lọc cao, giống được tạo ra có độ đồng đều, năng suất ổn định, giống được sử dụng trong thời gian dài. <i>Nhược điểm:</i> cần nhiều thời gian, cơ sở vật chất và yêu cầu kỹ thuật phải cao.
--	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Hệ thống được một số kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS thực hiện cá nhân bài tập:

1. Những câu phát biểu nào dưới đây đúng về phương pháp chọn lọc hàng loạt? Gợi ý trả lời: Chọn lọc hàng loạt: A, C, D, E, H. Chọn lọc cá thể: B, G, I.

2. So sánh quá trình sinh trưởng với quá trình phát dục ở vật nuôi.

Gợi ý trả lời:

– Giống nhau:

+ Cả hai quá trình tạo nên sự phát triển chung của cơ thể.

+ Là căn cứ quan trọng để đánh giá chọn lọc vật nuôi.

– Khác nhau:

+ Sự sinh trưởng: là sự tăng lên về khối lượng, kích thước các cơ quan, bộ phận trong cơ thể.

+ Sự phát dục: là sự thay đổi về thể chất của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể vật nuôi.

3. So sánh chọn lọc hàng loạt và chọn lọc cá thể.

Gợi ý trả lời:

Chọn lọc hàng loạt	Chọn lọc cá thể
Dựa vào ngoại hình, các chỉ tiêu về khả năng sản xuất của đàn vật nuôi để chọn ra những cá thể tốt nhất, phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống.	Chọn ra một hay vài cá thể biểu hiện các đặc điểm phù hợp với mục tiêu đặt ra của giống (thường là đực giống).
Áp dụng khi cần chọn lọc nhiều cá thể vật nuôi để làm giống trong một thời gian ngắn.	Áp dụng khi cần chọn lọc nhiều cá thể vật nuôi để làm giống trong một thời gian dài.
Dễ tiến hành, không đòi hỏi kỹ thuật cao, không tốn kém, phù hợp với trình độ còn thấp về công tác giống.	Cần nhiều thời gian, cơ sở vật chất và yêu cầu trình độ khoa học kỹ thuật cao.
Hiệu quả chọn lọc thường không cao và không ổn định.	Hiệu quả chọn lọc cao, giống được tạo ra có độ đồng đều, năng suất ổn định, được sử dụng trong thời gian dài.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành phần trả lời câu hỏi vào vở.

4. Hoạt động 4: Vận dụng – Mở rộng

a) **Mục tiêu:** Hoạt động này giúp HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để đề xuất biện pháp chọn giống phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể ở gia đình và địa phương.

b) **Nội dung:** GV hướng dẫn HS về nhà quan sát, thu thập thông tin, lập bảng thống kê các ý kiến đề xuất biện pháp chọn giống phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể tại gia đình hoặc địa phương nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi, góp phần phát triển kinh tế, bảo vệ sức khỏe và môi trường tại địa phương.

c) **Sản phẩm:** Bảng ý kiến đề xuất với gia đình về việc chọn giống vật nuôi phù hợp đối tượng và mục đích chăn nuôi.

d) **Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

-GV yêu cầu:

+Nêu được các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi.

+Nêu một số phương pháp chọn giống vật nuôi phù hợp với mục đích chăn nuôi.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS quan sát hình ảnh, suy luận, tìm ra đáp án.

***Báo cáo kết quả và thảo luận:**

- GV gọi 2 bạn đứng dậy trả lời:

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

- GV HS khác đối chiếu, bổ sung, đóng góp ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.